

Chủ đề 4: Diện tích đa giác

Tiết 29

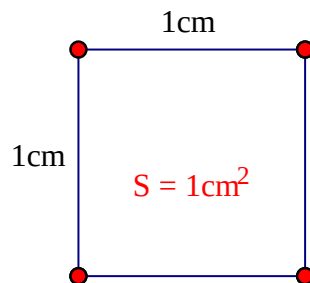
Nội dung 1: Khái niệm diện tích. Diện tích hình chữ nhật

1. Khái niệm diện tích đa giác

- Số đo của phần mặt phẳng giới hạn bởi một đa giác được gọi là diện tích của đa giác đó.
- Mỗi đa giác có một diện tích xác định. Diện tích đa giác là một số dương.

Tính chất diện tích đa giác

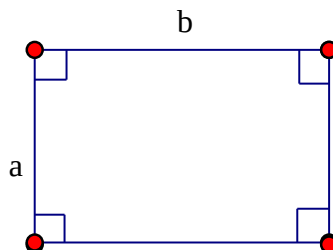
1. Hai tam giác bằng nhau thì có diện tích bằng nhau.
2. Nếu một đa giác được chia thành những đa giác không có điểm trong chung thì diện tích của nó bằng tổng diện tích của những đa giác đó
3. Nếu chọn hình vuông có cạnh bằng 1cm, 1dm, 1m,... làm đơn vị đo diện tích thì đơn vị diện tích tương ứng là: 1cm^2 , 1dm^2 , 1m^2 ,



*Ký hiệu diện tích đa giác ABCDE là S_{ABCDE} hay S

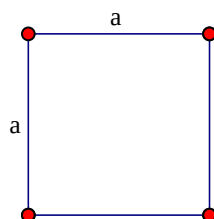
2. Công thức tính diện tích hình chữ nhật

$$S = a.b \quad (a, b \text{ là 2 kích thước hình chữ nhật})$$



3. Công thức tính diện tích hình vuông, tam giác vuông.

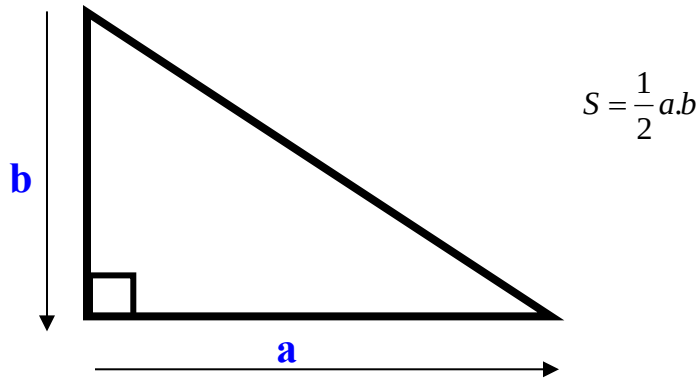
a. Diện tích hình vuông:



$$S = a^2$$

b. Diện tích tam giác vuông:

Diện tích tam giác vuông bằng nửa tích hai cạnh góc vuông.



Dặn dò:

-Về nhà học nhận xét, tính chất về diện tích của hình chữ nhật.

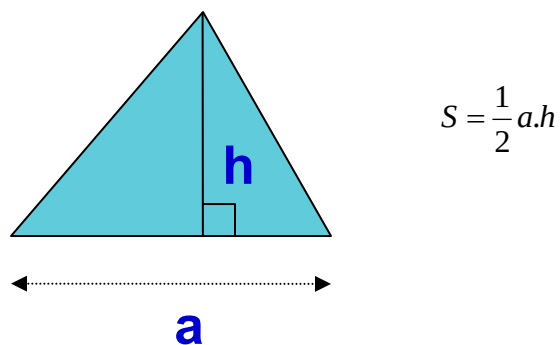
-Học thuộc và viết được công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông và tam giác vuông.

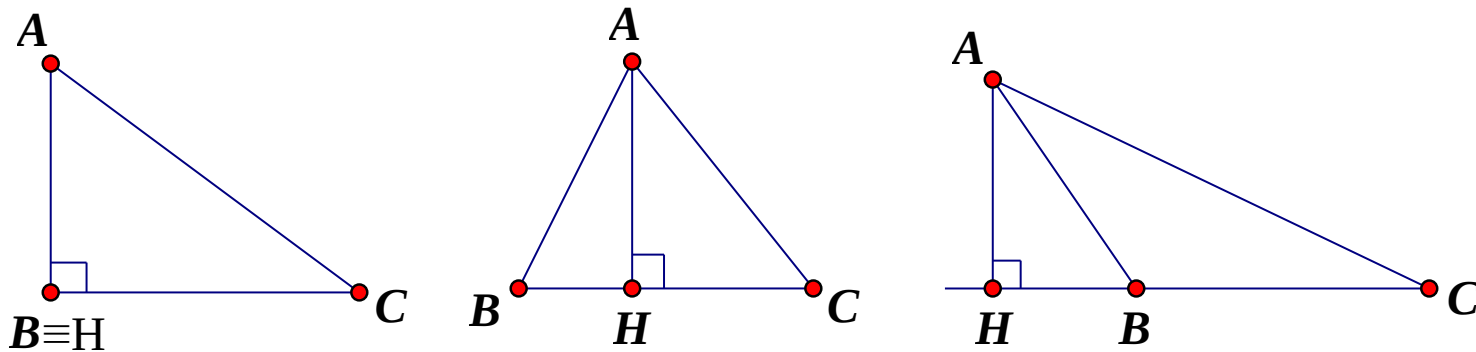
Tiết 30

Nội dung 2: Diện tích tam giác

Định lý :

Diện tích của tam giác bằng nửa tích của một cạnh với chiều cao tương ứng với cạnh đó:





GT	$\triangle ABC$ $AH \perp BC$
KL	$S = \frac{1}{2} BC \cdot AH$

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Nắm vững công thức tính diện tích tam giác, diện tích hình chữ nhật.
- Xem trước “Diện tích hình thang”.